

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/01/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
- Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Bà Linh Thị Ngọc Thạch;
  2. Bà Nguyễn Thị Thu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Ngọc Ái Linh – Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 07/01/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 245/2025/TLST–HNGĐ ngày 14/11/2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 18/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST – HNGĐ ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Viết T** - Sinh năm 1994 (vắng mặt)  
Địa chỉ: 3, **xã X, tỉnh Đồng Nai**.
- Bị đơn: Bà **Doãn Thị Minh T1** - Sinh năm 1995 (vắng mặt)  
Địa chỉ: 2, **xã X, tỉnh Đồng Nai**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2025 và các bản tự khai, nguyên đơn ông **Vũ Viết T** trình bày:

Vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, ông và bà **Doãn Thị Minh T1** tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai)**. Cuộc sống ngọt ngào, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái. Trong quá trình mâu thuẫn ông **T** đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm không thể hàn gắn, ông **T** nhận thấy mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà **Doãn Thị Minh T1**. Vợ chồng có 03 con chung: cháu **Vũ Gia B**, sinh ngày 08/8/2017; cháu **Vũ Gia H**, sinh ngày 11/02/2019 và cháu **Vũ Ngọc Thiên A**, sinh ngày 22/6/2022; ông có nguyện vọng được nuôi cháu **Gia B**, giao cháu **Thiên A** và cháu **Gia H** cho bà **T1** nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà **T1** có nguyện vọng giao cả 03 con cho ông nuôi dưỡng hoặc không hợp tác đến Tòa án làm việc thì ông **T** đề nghị được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu bà **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung theo ông **T** là không có.

\* Bị đơn là bà **Doãn Thị Minh T1** được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông **Vũ Viết T** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và con chung với bà **Doãn Thị Minh T1**, cư trú tại **ấp B, xã X, tỉnh Đồng Nai**. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông **Vũ Viết T** là nguyên đơn, bà **Doãn Thị Minh T1** là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông **T** có đơn xin xét xử vắng mặt; bà **T1** được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt ông **T** và bà **T1** là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông **T** và bà **T1** tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai)** vào năm 2016. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông **T** nhận thấy:

Ông **T** có nguyện vọng xin ly hôn với bà **T1** nhưng bà không hợp tác, không có lời khai. Theo ông **T** thì nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do không hợp nhau trong cách sống và nuôi dạy con cái, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm dành cho nhau. Bà **T1** không có lời trình bày nhưng qua bản tự khai của 02 người làm chứng **Nguyễn Trần Tuấn B1** và **Lê Văn B2** thì “hai người mâu thuẫn thế nào thì không biết nhưng thấy 02 ông bà đã không còn sống chung với nhau”. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai đều tổng đạt văn bản tố tụng cho bà **Doãn Thị Minh T1** theo luật định, bà Thu nhận được nên biết rõ việc ông **T** làm đơn ly hôn bà nhưng bà không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ bà **T1** cũng không muốn níu kéo cuộc hôn

nhân này. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cần thiết cho ông **Vũ Viết T** được ly hôn với bà **Doãn Thị Minh T1**.

[5] Về con chung: Bà **T1** không hợp tác nên không rõ nguyện vọng của bà trong việc nuôi dưỡng con chung. Cháu **Gia B** có nguyện vọng được ở với cha. Ông **T** có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung nên chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Ông **T** không yêu cầu nên tạm thời bà **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: theo ông **T** là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[8] Về án phí: Ông **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 theo biên lai thu tiền số 0007113 ngày 07/11/2025 thành án phí. Ông **T** đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 51, điều 56, điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Vũ Viết T** được ly hôn bà **Doãn Thị Minh T1**.

2. Về con chung: Giao cho ông **Vũ Viết T** trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu **Vũ Gia B**, sinh ngày 08/8/2017; cháu **Vũ Gia H**, sinh ngày 11/02/2019 và cháu **Vũ Ngọc Thiên A**, sinh ngày 22/6/2022.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tạm thời bà **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết, ông **T** và bà **T1** được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo ông **T** là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Ông **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông **T** nộp tại Phòng thi hành án khu vực 6 theo biên lai thu tiền số 0007113 ngày 07/11/2025 thành án phí. Ông **T** đã nộp đủ án phí.

Báo cho ông **T**, bà **T1** biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Phòng thi hành án khu vực 6;
- UBND xã Xuân Bắc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tùng**